

Số: /QĐ - TCĐL

Đắk Lắk, ngày tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chiến lược phát triển Trường Trung cấp Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP ĐẮK LẮK

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp; Quyết định số 06/QĐ-SLĐTBXH ngày 05/01/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt Điều lệ của Trường Trung cấp Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-TCĐL ngày 14/4/2022 của Trường Trung cấp Đắk Lắk ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Trung cấp Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐTTCDL tại phiên họp Quý III năm 2023 của Hội đồng trường Trường Trung cấp Đắk Lắk thông qua Dự thảo Chiến lược phát triển trường Trung cấp Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030 và các ý kiến bổ sung;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tổ chức, hành chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm Quyết định này Chiến lược phát triển trường Trung cấp Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (có văn bản kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban lãnh đạo, Trưởng các đơn vị phòng, khoa, trung tâm, các tổ chức đoàn thể, viên chức, người lao động thuộc Trường Trung cấp Đắk Lắk chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở LĐTB&XH Đắk Lắk (để báo cáo);
- HĐ Trường (để giám sát thực hiện);
- Ban LĐ, các đơn vị, TC đoàn thể (để triển khai thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Võ Ngọc Trịnh

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG TRUNG CẤP ĐẮK LẮK GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

*(Kèm Quyết định số /QĐ-TCĐL ngày 05/7/2023
của Trường Trung cấp Đắk Lắk)*

Trường Trung cấp Đắk Lắk được thành lập theo Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 03/03/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; đến năm 2019 sáp nhập Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Đắk Lắk vào Trường Trung cấp Đắk Lắk theo Quyết định số 3572/QĐ-UBND. Trong những năm qua, Nhà trường đã khẳng định vị thế là cơ sở giáo dục nghề nghiệp đa ngành nghề đạt chất lượng theo yêu cầu của thị trường lao động, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Lắk nói riêng và của đất nước nói chung.

Trên cơ sở bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; sự chuyển đổi số, tiếp cận khoa học công nghệ tiên tiến đòi hỏi chất lượng giáo dục nghề nghiệp (GDNN) phải được nâng lên để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động của địa phương, đất nước và khu vực, Trường Trung cấp Đắk Lắk đề ra chiến lược phát triển Nhà trường trong giai đoạn mới 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Chiến lược là định hướng để nhà trường xây dựng kế hoạch nhằm đạt được các chỉ tiêu phát triển nhà trường như phát triển ngành, nghề đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập và bám sát nhu cầu của thị trường lao động; chú trọng phát triển quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo; đẩy mạnh liên kết với doanh nghiệp, các cơ sở GDNN và hợp tác quốc tế. Từ đó nhằm giúp Trường Trung cấp Đắk Lắk hoàn thành chức năng nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập được giao, phục vụ yêu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và đất nước.

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2017 - 2021

Giai đoạn 2017 - 2021 là giai đoạn có nhiều sự thay đổi trong quá trình hoạt động của Trường Trung cấp Đắk Lắk như chuyển từ mô hình trường Trung cấp chuyên nghiệp trực thuộc Bộ Giáo dục - Đào tạo sang Trung cấp nghề trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh xã hội; sáp nhập trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Đắk Lắk vào trường Trung cấp Đắk Lắk; ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Mặc dù gặp nhiều khó khăn chủ quan và khách quan, tập thể viên chức, người lao động nhà trường đã nỗ lực phấn đấu và đạt được những kết quả như sau:

I. Kết quả hoạt động

1. Kết quả tuyển sinh đào tạo

Trường Trung cấp Đắk Lắk thực hiện tuyển sinh và đào tạo đa ngành nghề, đa loại hình đào tạo, từng bước đáp ứng nhu cầu xã hội. Các nghề thế mạnh của nhà trường như Kế toán doanh nghiệp, Công nghệ thông tin, Trồng trọt và bảo vệ thực vật.

Hoạt động đào tạo được thực hiện đúng quy chế, linh hoạt, đổi mới, đảm bảo hiệu quả, chất lượng.

Tuy nhiên, do yếu tố nguồn lực, cơ cấu ngành, nghề đào tạo chưa thật sự phù hợp với cơ cấu ngành, nghề của thị trường lao động. Việc chuyển đổi ngành nghề đào tạo mới theo yêu cầu của thị trường lao động còn chậm. Chất lượng đào tạo một số nghề còn chưa đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp.

1.1. Trung cấp:

Stt	Ngành, nghề đào tạo	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
I	Kết quả tuyển sinh:	356	521	548	540	571	707	
1	Kế toán doanh nghiệp	142	150	101	131	118	150	
2	Tài chính ngân hàng		12					
3	Marketing							
4	Quản lý doanh nghiệp		10					
5	Văn thư hành chính	44	34	16		45	32	
6	Xây dựng cầu đường bộ							
7	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	20	12	56	49	66	42	
8	Công nghệ thông tin	82	183	253	164	125	100	
9	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính							
10	Quản lý đất đai		17	16				
11	Trồng trọt và BVTV	55	29	48	103	110	213	
12	Tiếng Anh		10	58				
13	Dịch vụ pháp lý				31			
14	Quản lý tài nguyên và môi trường					40	28	
15	Kỹ thuật chế biến món ăn		38		62		29	
16	NV nhà hàng-khách sạn	13	26			67	113	
17	Dược							
II	Cấp bằng tốt nghiệp		276	254	369	199	392	

1.2. Sơ cấp:

TT	Ngành nghề đào tạo	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1	Kỹ thuật Nấu ăn	46	83	66	70	33	
2	Kế toán	24	18	0			
3	Văn thư lưu trữ	16	0	0			

4	Máy công nghiệp	0	35	35	35	70	
5	Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và máy điều hòa					70	
6	Sản xuất mộc dân dụng					70	
7	Đan gia công mỹ nghệ					70	
8	Điện dân dụng		35				
	Tổng cộng	86	171	206	140	313	

1.3. Đào tạo, sát hạch lái xe mô tô hạng A1:

TT	Ngành nghề đào tạo	Hình thức	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1	Lái xe mô tô hạng A1		13881	9566	7037	7800	6418	

1.4. Đào tạo, thi cấp chứng chỉ Ngoại ngữ -Tin học:

TT	Năm	Thí sinh đăng ký dự thi	Thí sinh dự thi	Thí sinh đạt	Ghi chú
1	Năm 2017	600	556	543	
2	Năm 2018	805	601	495	
3	Năm 2019	799	767	699	
4	Năm 2020	706	652	625	
5	Năm 2021	127	119	114	
6	Năm 2022	209	204	181	

1.5. Liên kết đào tạo:

TT	Ngành nghề đào tạo	Trình độ	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1	Đại học	VLVH	1062	860	745	780	706	
2	Quản lý cấp phòng	Ngắn hạn					143	
3	Chức danh hạng III	Ngắn hạn				46		
4	Môi giới bất động sản	Ngắn hạn					183	
5	Kế toán trưởng	Ngắn hạn					57	
	Tổng cộng		1062	860	745	826	1089	

Nhìn chung, kết quả tuyển sinh còn nhiều bất cập, số lượng học sinh các ngành không đồng đều, số học sinh học tại cơ sở chính nhà trường rất thấp; lĩnh vực đào tạo thường xuyên, ngắn hạn, ngoại ngữ-tin học quy mô còn rất nhỏ.

2. Kiểm định và bảo đảm chất lượng

Nhà trường đã ban hành các văn bản phục vụ công tác kiểm định và đảm bảo chất lượng. Các hoạt động đã bắt đầu triển khai và có kết quả nhất định. Tuy nhiên do nhân sự thực hiện công tác kiểm định và đảm bảo chất lượng còn ít, hầu hết là kiêm nhiệm. Cán bộ được tập huấn, đào tạo chuyên sâu thiếu. Vì vậy, kết quả tự kiểm định chất lượng nhà trường năm 2022 với số tiêu chuẩn chỉ đạt 61%, thể hiện điều kiện bảo đảm chất lượng nhà trường thấp.

TT	Các tiêu chí, tiêu chuẩn	Kiểm định chất lượng			Xây dựng quy trình bảo đảm chất lượng	Ghi chú
		Đạt	Chưa đạt	Không có		
1	Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	09	03	0	01	
2	Hoạt động đào tạo	14	03	0	01	
3	Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	10	04	01	01	
4	Chương trình, giáo trình	09	06	0	02	
5	Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	07	07	01	01	
6	Nghiên cứu khoa học, chuyên gia công nghệ và hợp tác quốc tế	02	03	0	0	
7	Quản lý tài chính	01	05	0	02	
8	Dịch vụ người học	06	01	02	02	
9	Giám sát, đánh giá chất lượng	03	03	0	04	
	Tổng cộng:	61	35	04	14	

3. Phát triển chương trình, giáo trình

Hàng năm nhà trường đều thực hiện phát triển chương trình đào tạo định kỳ theo quy định, đảm bảo đáp ứng sự thay đổi và nhu cầu của thị trường lao động. Tuy nhiên chất lượng xây dựng và phát triển chương trình đào tạo còn hạn chế.

Chưa có nguồn lực thực hiện được việc biên soạn, thẩm định và lựa chọn giáo trình đáp ứng chương trình đào tạo; chưa xây dựng hệ thống giáo trình, tài liệu, thư viện điện tử phục vụ dạy và học.

TT	Trình độ đào tạo	Số ngành được cấp phép đào tạo	Phát triển chương trình ĐT định kỳ	Kiểm định Chương trình ĐT	Biên soạn Giáo trình	Ghi chú
1	Trung cấp	17	11			
2	Sơ cấp	10				

4. Cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực

- Thống kê số lượng, trình độ chuyên môn:

St t	Vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ chuyên môn				GV kiêm nhiệm	Ghi chú
			Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Khác		
1	Ban giám hiệu	3	3				3	
2	Trưởng, phó phòng, trung tâm	7	4	3			5	
3	Trưởng khoa, (giáo viên chuyên trách)	4	4					
4	Giáo viên chuyên trách	41	23	18				
5	Viên chức hành chính	26	2	24			3	
6	Người lao động hợp đồng theo Nghị định 161	8			1	7		
	Tổng cộng	89	36	45	1	7	11	

Trong đó 08/56 giáo viên chuyên trách và kiêm nhiệm có chứng chỉ chỉ kỹ năng nghề quốc gia hoặc chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề, tập trung các nghề Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm), xây dựng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Nghiệp vụ nhà hàng- khách sạn. Các nghề Kinh tế, văn thư – hành chính, dịch vụ pháp lý chưa tổ chức thi cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, một số nghề như Trồng trọt BVTV, xây dựng cũng tạm dừng thi trên phạm vi toàn quốc và chưa có văn bản thông báo thời gian tổ chức tiếp theo. Đây là khó khăn rất lớn cho nhà trường trong việc nâng cao tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn.

- Thống kê về tiêu chuẩn của đội ngũ giáo viên cơ hữu hiện nay:

TT	Môn, ngành đào tạo	Giáo viên cơ hữu	Đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ	Tỉ lệ HS /giáo viên	Tỉ lệ nhà giáo cơ hữu (%)	Ghi chú
1	Môn chung	15	15/15		100%	
2	Tiếng Anh	06	0/6		100%	
3	Kinh tế	12	0/12	16	100%	188/12
4	Công nghệ thông tin	06	3/6	20	85%	122/06
5	Xây dựng	07	3/7	12	100%	86/07
6	Văn thư - hành chính	03	0/3	15	100%	45/0
7	Dịch vụ Pháp lý	01	0/1	17	33%	17/01
8	Chế biến món ăn	02	2/2	35	67%	70/02

9	Nhà hàng - Khách sạn	01	1/1	54	33%	108/02
10	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	01	0/1	56	33%	278/05
11	Quản lý đất đai, môi trường	02	1/2		67%	
	Tổng cộng	56	25 (45%)		57%	

Ghi chú: Lý do giáo viên chưa đạt chuẩn là do thiếu chứng chỉ kỹ năng nghề.

5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Trường Trung cấp Đắc Lắc có tổng diện tích đất sử dụng 19.778 m², tổng diện tích xây dựng 6.683,78m². Trong đó Trụ sở chính số 144 Phan Chu Trinh có diện tích đất sử dụng 14.199m², diện tích xây dựng 3.401,58m²; tại cơ sở đào tạo số 01 Đinh Tiên Hoàng có diện tích đất sử dụng 5.579m², diện tích xây dựng là 3.282,2m². Cụ thể về các hạng mục, trang thiết bị:

- *Thống kê các hạng mục cơ sở vật chất phục vụ đào tạo:*

TT	Hạng mục	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng học lý thuyết	48	
2	Phòng học thực hành	26	
3	Phòng đọc Thư viện	02	
4	Phòng kho	06	
5	Phòng y tế	01	
6	Phòng vệ sinh	19	
7	Phòng lưu trú	09	
8	Phòng chức năng, dùng chung	27	
9	Hội trường	02	
10	Nhà luyện tập thể dục, thể thao		
11	Ký túc xá		

- *Thống kê phòng học thực hành nghề và đánh giá danh mục thiết bị:*

Stt	Ngành đào tạo	Số phòng học thực hành	Đánh giá theo DM TBĐT tối thiểu	Ghi chú
1	Kế toán	01	Chưa đạt	
2	Văn thư hành chính	01	Chưa đạt	
3	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	01	Chưa đạt	
4	Công nghệ thông tin	07	Chưa đạt	189 máy tính
5	Quản lý đất đai	01	Chưa đạt	
6	Trồng trọt và BVTV	01	Chưa đạt	

7	Tiếng Anh	01	Chưa đạt	
8	Dịch vụ pháp lý	01	Chưa đạt	
9	Quản lý tài nguyên và môi trường	01	Chưa đạt	
10	Kỹ thuật chế biến món ăn	02	Chưa đạt	
11	NV nhà hàng-khách sạn	02	Chưa đạt	
12	Máy công nghiệp (sơ cấp)	01	Chưa đạt	
13	KT Điện (Sơ cấp)	01	Chưa đạt	
14	Đào tạo lái xe mô tô hạng A1	02 xe máy cũ, 01 sân tập	Chưa đạt	

- Thiết bị đào tạo dùng chung: 25 máy chiếu phục vụ giảng dạy, 04 máy tính xách tay, 20 máy in, 03 máy Photocopy, 02 bộ thiết bị dạy học trực tuyến, 04 bộ thiết bị tổ chức thi trực tuyến.

- Thư viện: thư viện nhà trường có 02 máy vi tính kết nối internet để phục vụ học sinh truy cập, nhà trường có 319 đầu sách, với số lượng sách là 939 cuốn sách giáo trình và sách tham khảo.

6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Đến nay nhà trường chưa thực hiện và có kết quả về hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế. Công tác nghiên cứu khoa học của nhà trường hiện nay mới chỉ dừng ở mức độ sáng kiến, giải pháp công việc, thiết kế thiết bị đào tạo tự làm. Năm 2022, nhà trường đã thành lập Hội đồng khoa học, tuy nhiên chưa ban hành các văn bản, chính sách và triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

7. Quản lý tài chính

Đối với nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu dịch vụ chủ yếu nhờ hoạt động cấp bù học phí học sinh Trung cấp, các nguồn thu dịch vụ từ hoạt động đào tạo liên kết, hoạt động đào tạo ngắn hạn, do đó tình hình nguồn tài chính những năm qua gặp nhiều khó khăn và nguồn thu nhập tăng thêm của CB, CNV cũng bị giảm.

Các số liệu thực hiện các nguồn tài chính từ năm 2017-2022:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung nguồn thu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1	Nguồn Ngân sách NN cấp	12.572	15.459	16.254	17.701	12.772	10.243	
2	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ	10.632	11.632	8.212	6.597	6.565	6.402	
3	Nguồn thu hợp pháp khác	52	105	97	105	120	96	

8. Dịch vụ người học

Hàng năm, nhà trường thực hiện đầy đủ về cung cấp đầy đủ thông tin đào tạo; có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích, hỗ trợ kịp thời; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người học theo quy định.

Dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, phòng đọc thư viện, cơ sở vật chất nhằm tạo điều kiện cho người học hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao còn hạn chế; chưa có ký túc cho người học. Việc tổ chức hội chợ việc làm, tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp chưa được thường xuyên, chất lượng của các hoạt động chưa thực sự thu hút.

II. Đánh giá

1. Những mặt mạnh

- Nhà trường có vị trí địa lý thuận lợi cho giao thông và giao lưu văn hoá. Cơ sở vật chất, phòng học lý thuyết, các thiết bị dùng chung, các phòng chức năng cơ bản đảm bảo điều kiện làm việc và phục vụ tốt cho nhiệm vụ đào tạo.

- Tập thể viên chức, người lao động nhà trường đoàn kết, nhiệt tình, tâm huyết với nghề; nhiều viên chức đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi, chiến sĩ thi đua các cấp; có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học.

- Đội ngũ lãnh đạo, CBQL nhà trường có kinh nghiệm quản lý, thực hiện nhiệm vụ đào tạo và liên kết đào tạo. Hoạt động đào tạo được thực hiện đúng quy chế, đầy đủ về: tuyển sinh, tổ chức đào tạo đảm bảo đảm mục tiêu, nội dung chương trình, công tác kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

2. Những hạn chế

- Năng lực và các điều kiện đảm bảo chất lượng còn thấp. Cơ cấu đội ngũ nhà giáo về trình độ chuyên môn, ngành nghề còn nhiều bất cập.

- Cơ cấu ngành, nghề đào tạo chưa thật phù hợp với cơ cấu ngành, nghề của thị trường lao động. Chất lượng đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập hiện nay.

- Cơ sở vật chất của trường hiện nay vẫn chưa được đầu tư bài bản theo quy hoạch tổng thể. Trang thiết bị dạy học thực hành, thực tập ở hầu hết các ngành nghề đào tạo chưa đầy đủ theo danh mục tối thiểu so với quy định của Bộ LĐTB&XH. Các dịch vụ người học chưa đáp ứng. Công tác truyền thông giáo dục và tư vấn hướng nghiệp, giới thiệu việc làm còn hạn chế.

- Chất lượng xây dựng và phát triển chương trình đào tạo còn hạn chế. Số lượng giáo trình biên soạn các nghề rất ít. Hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế của nhà trường đến nay còn rất chểnh mảng; chưa xây dựng được các văn bản hướng dẫn, chính sách và triển khai cho lĩnh vực này.

- Công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục và xây dựng, vận hành, cải tiến quy trình bảo đảm chất lượng trong nhà trường còn hạn chế.

- Nguồn tài chính chưa đa dạng dẫn đến nguồn thu nhập tăng thêm của CB, CNV cũng bị giảm.

3. Nguyên nhân hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Nhà trường được thành lập trên cơ sở sát nhập từ 2 cơ sở đào tạo từ năm 2019, nên việc đánh giá, rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, đội ngũ nhà giáo và định hướng ngành nghề đào tạo phù hợp còn gặp khó khăn.

- Tâm lý còn coi trọng bằng cấp của xã hội, phụ huynh và người học; tỉ lệ phân luồng học sinh sau THCS vào học GDNN còn thấp.

- Sự đầu tư của Nhà nước về các nguồn lực bảo đảm chất lượng cho nhà trường còn hạn chế; đặc biệt cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ đào tạo còn lạc hậu, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo; đội ngũ giáo viên còn thiếu, không đồng bộ về cơ cấu ngành nghề đào tạo, kỹ năng thực hành nghề và kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp còn hạn chế.

- Nguồn tài chính hạn hẹp, nên chi cho các hoạt động đào tạo còn thiếu, hạn chế, chưa bảo đảm cho điều kiện bảo đảm chất lượng và mở rộng quy mô đào tạo.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Nhà trường còn thiếu linh động khảo sát dự báo nhu cầu lao động, nên hiện đang chú trọng những ngành nghề truyền thống hoặc đào tạo theo khả năng đã có mà chưa tập trung đào tạo theo yêu cầu thị trường lao động.

- Bên cạnh đội ngũ giáo viên còn thiếu kinh nghiệm và thiếu đồng bộ; một số giáo viên, người lao động còn thiếu tâm huyết, năng động và còn ỷ lại.

- Thiếu kinh phí, nguồn lực xây dựng chương trình đào tạo cập nhật những tiến bộ khoa học và thực tiễn còn hạn chế; nhà trường sử dụng hầu hết giáo trình cũ, giáo trình các bậc học khác, chưa biên soạn được giáo trình đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo.

- Công tác hợp tác với các cơ quan, doanh nghiệp trong đào tạo chưa được đầu tư, quan tâm đúng mức. Việc thực hiện kiểm định chất lượng và bảo đảm chất lượng còn hình thức, chưa vận hành và cải tiến thường xuyên và định kỳ.

PHẦN II:

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

1. Căn cứ pháp lý để xây dựng Chiến lược phát triển nhà trường

- Căn cứ Điểm a, Khoản 2, Điều 8, Chương I Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTĐBXH ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp;

- Căn cứ Điều lệ trường Trung cấp Đắk Lắk được phê duyệt và Nghị quyết của Hội đồng trường Trung cấp Đắk Lắk.

2. Sứ mệnh

Trường Trung cấp Đắk Lắk có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực đa ngành nghề đạt chất lượng theo yêu cầu của thị trường lao động; thực hiện nghiên cứu ứng dụng, tư vấn, chuyển giao khoa học – công nghệ góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Đắk Lắk nói riêng và của đất nước nói chung trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

3. Tầm nhìn

Trường Trung cấp Đắk Lắk trở thành trường có thương hiệu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, kinh tế, du lịch và dịch vụ; gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu ứng dụng để phát triển bền vững và định hướng tự chủ toàn diện.

4. Mục tiêu chiến lược

4.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường hội nhập quốc tế và khởi nghiệp. Thực hiện hợp tác với doanh nghiệp, tư vấn, giới thiệu và tạo điều kiện cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học trình độ cao hơn.

- Phát triển ngành, nghề đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập và bám sát nhu cầu của thị trường lao động; chú trọng cả quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo; đẩy mạnh liên kết với doanh nghiệp, các cơ sở GDNN và hợp tác quốc tế để chất lượng các ngành nghề trọng điểm đạt trình độ quốc gia, tiếp cận trình độ khu vực ASEAN-4 và quốc tế. Nhà trường và các ngành nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

- Xây dựng tổ chức bộ máy quản lý nhà trường phù hợp, tinh gọn, năng động và hiệu quả; khai thác và sử dụng tốt các nguồn lực để phát triển trường. Xây dựng môi trường văn hóa chất lượng, đổi mới sáng tạo, tập thể nhà trường đoàn kết, từng bước phát triển của nhà trường theo mục tiêu, sứ mệnh và tầm nhìn lâu dài.

4.2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2021-2025

Thực hiện đánh giá chất lượng và hiệu quả đào tạo; bám sát chủ trương phát triển, phân tích nhu cầu lao động, xác định và đầu tư ngành, nghề trọng điểm nhằm tập trung giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo. Mở mới ngành nghề phù hợp nhu cầu thị trường lao động; thực hiện đa dạng hoá các loại hình, phương thức, đào tạo; mở rộng đào tạo theo địa chỉ, đào tạo tại doanh nghiệp, đào tạo trình độ sơ cấp, liên kết hợp tác đào tạo trong và ngoài nước.

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Về phát triển người học: tối thiểu giữ vững quy mô đào tạo trình độ trung cấp hàng năm, 100% người học tốt nghiệp được tư vấn và giới thiệu việc làm; 80% người học sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo; phần đầu hàng năm tăng trên 5% quy mô đào tạo các trình độ khác. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách cho người học.

- Nhà trường đánh giá ngoài đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trên 80% chương trình đào tạo nghề trọng điểm tự đánh giá đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng. Trên 80% quy trình bảo đảm chất lượng được xây dựng, vận hành và cải tiến hàng năm trên tất cả các lĩnh vực quản lý.

- Xây dựng và đầu tư 04 nghề trình độ trung cấp là nghề trọng điểm, đạt chuẩn quốc gia: Kế toán doanh nghiệp, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Kỹ thuật chế biến món ăn, Đồ họa đa phương tiện. 100% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.

- Hàng năm biên soạn tối thiểu 20% giáo trình môn học/mô đun chuyên ngành các ngành nghề đào tạo; thẩm định, lựa chọn 100% giáo trình đưa vào sử dụng.

- Phần đầu 100% nhà giáo đạt chuẩn; khoảng 80% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý – quản trị hiện đại. Tỷ lệ học sinh/giáo viên: 25; giáo viên có trình độ Thạc sĩ 65%; Ban giám hiệu, trưởng các phòng, khoa có trình độ sau đại học 80%. Tỷ lệ nhà giáo cơ hữu đạt 70%.

- Tham mưu các cấp, tăng cường đầu tư xây dựng cơ bản, bổ sung trang thiết bị để đáp ứng quy mô đào tạo, dịch vụ cho người học và người lao động. Phần đầu 100% ngành nghề đào tạo đạt tiêu chuẩn trang trang thiết bị dạy học tối thiểu, xây dựng 01 Sân sát hạch lái xe Mô tô A1 chấm điểm tự động, 01 Phòng đọc Thư viện điện tử.

- Phần đầu hàng năm có ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường hoặc có 01 bài báo được đăng trong các Tạp chí khoa học; nhà trường hợp tác với 01 cơ sở đào tạo ở nước ngoài trong việc chuyển giao công nghệ, chương trình đào tạo, giảng dạy các nghề trọng điểm của trường.

- Phần đầu thực hiện tự chủ về tài chính là 54% chi phí hoạt động thường xuyên, đảm bảo mức thu nhập tăng thêm cho cán bộ, giáo viên được tăng lên.

b) Giai đoạn 2026-2030

Tập trung các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, phần đầu 100% ngành nghề trọng điểm đạt trình độ quốc gia, tiếp cận trình độ khu vực ASEAN-4. Đẩy mạnh liên kết hợp tác đào tạo trong và ngoài nước nhằm đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập. Phần đầu đạt trường chất lượng cao.

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Về phát triển người học: quy mô đào tạo được giữ vững và tăng hàng năm, 100% người học tốt nghiệp được giới thiệu việc làm và trên 85% người học sau 6

tháng kể từ khi tốt nghiệp có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách cho người học.

- 100% chương trình đào tạo nghề trọng điểm được đánh giá đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng; phần đầu có ít nhất 02 chương trình được xây dựng và hợp tác đào tạo với cơ sở giáo dục nước ngoài. Xây dựng, vận hành và cải tiến 100% quy trình bảo đảm chất lượng hàng năm trên tất cả các lĩnh vực quản lý.

- Biên soạn, thẩm định, lựa chọn 100% giáo trình môn học/mô đun chuyên ngành đưa vào sử dụng.

- Phần đầu 100% nhà giáo đạt chuẩn; 100% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý – quản trị hiện đại. Cơ cấu đội ngũ nhà giáo về trình độ chuyên môn phù hợp với ngành nghề đào tạo. Tỷ lệ nhà giáo cơ hữu đạt 70%.

- 100% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.

- Tiếp tục tham mưu các cấp, tăng cường đầu tư xây dựng cơ bản, bổ sung trang thiết bị để đáp ứng quy mô đào tạo, dịch vụ cho người học và người lao động. Xây dựng mở rộng Sân sát hạch lái xe Mô tô A1 chấm điểm tự động ở các địa điểm liên kết. 100% các ngành nghề đào tạo tại trường có phòng, xưởng thực hành theo quy định

- Phần đầu hàng năm có ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường hoặc có 02 bài báo được đăng trong các Tạp chí khoa học; nhà trường hợp tác với 01 cơ sở đào tạo ở nước ngoài.

- Phần đầu đến năm 2030 thực hiện tự chủ về tài chính là 75% chi phí hoạt động thường xuyên, đảm bảo mức thu nhập tăng thêm cho cán bộ, giáo viên được tăng lên.

5. Các nhiệm vụ trọng tâm

5.1. Nâng cao chất lượng đào tạo

- Chú trọng mở rộng, tuyển sinh loại hình đào tạo thường xuyên, ngắn hạn, vừa làm vừa học (VLVH), đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1, liên kết đào tạo, Tiếng Anh và Tin học nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội. Linh hoạt, chủ động tiếp cận, chuyển đổi 1 số ngành nghề, hình thức đào tạo phù hợp đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc gia, chất lượng cao. Không ngừng đổi mới quy trình đào tạo, phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá để nâng cao chất lượng đào tạo nhằm phát triển năng lực toàn diện của người học.

- Áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý Nhà trường, chuẩn bị và triển khai loại hình đào tạo “E-learning/Mobile learning” cho một số môn học, chương trình đào tạo.

- Tập trung nguồn lực thực hiện công tác tư vấn, tuyển sinh. Phân đầu kết quả tuyển sinh đào tạo hàng năm tăng trên tất cả các trình độ đào tạo và liên kết đào tạo được giao. Đảm bảo 100% học sinh tốt nghiệp trình độ trung cấp, sơ cấp được tư vấn và giới thiệu việc làm. Mở mới, liên kết các ngành nghề đào tạo theo nhu cầu xã hội.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo; liên kết và hỗ trợ học sinh sinh viên đi thực tập sinh, lao động tại các nước trong khu vực và quốc tế.

- Xây dựng cơ chế gắn kết toàn diện giữa hoạt động đào tạo với thực tế sản xuất để sản phẩm đào tạo của trường đáp ứng kịp thời nhu cầu xã hội, hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh liên kết với Doanh nghiệp, cơ quan xây dựng cơ sở thực hành, thực tập, lao động sản xuất, kinh doanh và nghiên cứu khoa học cho học sinh và giáo viên. Xây dựng và phát triển dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước và xuất khẩu lao động.

- Xây dựng cơ chế tự chủ đối với 1 số loại hình đào tạo nhằm phát triển quy mô đào tạo và nguồn thu nhằm nâng cao thu nhập của cán bộ, viên chức và người lao động tăng hàng năm theo quy định pháp luật.

- Tiến hành phân tích nhu cầu xã hội để xác định chuẩn đầu ra phù hợp với thực tiễn và chương trình khung. Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đào tạo mới đáp ứng yêu cầu của xã hội và người học. Chương trình đào tạo mới đảm bảo phù hợp chiến lược phát triển của nhà trường, tương đối ổn định nhưng vẫn có thể được điều chỉnh kịp thời để sát với thực tiễn và cập nhật kiến thức.

- Huy động được nguồn lực giỏi từ đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động tham gia xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, trong đó chú trọng và định hướng xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao.

- Đẩy mạnh công tác biên soạn giáo trình, có đủ giáo trình và tài liệu tham khảo có chất lượng cho tất cả các ngành học. Đầu tư xây dựng giáo trình, tài liệu điện tử nhằm xây dựng thư viện điện tử phục vụ dạy và học đạt yêu cầu.

- Tham mưu lập dự toán, cấp kinh phí bảo đảm cho hoạt động xây dựng, phát triển Chương trình, biên soạn và thẩm định giáo trình theo quy định.

5.2. Phát triển tổ chức bộ máy và nhân lực

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch và các biện pháp tuyển dụng để bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng giáo viên đạt định mức quy định về tỷ lệ học sinh trên giáo viên trong các nhóm ngành nghề đào tạo; giảm tỷ lệ trung bình học sinh/giáo viên.

- Chủ động xây dựng kế hoạch xin bổ sung chỉ tiêu biên chế giáo viên; xây dựng cơ cấu giáo viên, tuyển đủ giáo viên theo biên chế được giao. Ưu tiên tuyển dụng giáo viên các ngành trọng điểm, giáo viên có trình độ sau đại học (đặc biệt những người có trình độ tiến sỹ); sinh viên tốt nghiệp loại giỏi; kỹ sư,

cử nhân giỏi có kinh nghiệm sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo tỷ lệ giáo viên/học sinh.

- Tiến hành rà soát, đánh giá đúng thực trạng đội ngũ. Quy hoạch tổng thể đội ngũ giáo viên làm rõ số lượng, yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, về lứa tuổi và giới tính của từng chuyên ngành đào tạo để làm cơ sở cho việc tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng trong từng giai đoạn phát triển của Nhà trường.

- Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả về đổi mới, sắp xếp bộ máy, công tác cán bộ bảo đảm đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

- Xây dựng và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy; tham gia các hội thi, hội giảng nâng cao trình độ chuyên môn.

- Hằng năm, tiến hành đánh giá và xây dựng kế hoạch, triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo. Tổ chức cho giáo viên thực tập tại doanh nghiệp để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành đào tạo.

- Khuyến khích giáo viên các nghề khó tuyển sinh học văn bằng 2 chuyên ngành gần - chủ động nguồn lực giáo viên.

- Tham mưu lập dự toán, cấp kinh phí bảo đảm cho hoạt động xây dựng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ đáp ứng yêu cầu.

5.3. Phát triển người học

- Tăng cường hợp tác giữa các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài tỉnh để tổ chức đào tạo liên thông các ngành, nghề, trình độ đào tạo theo nhu cầu xã hội; phối hợp chặt chẽ với các cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao về tiếp nhận chuyển giao các chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy.

- Đẩy mạnh hướng nghiệp trước, trong và sau đào tạo nghề nghiệp; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho người học và thực hiện các hoạt động hỗ trợ người học khởi nghiệp, tự tạo việc làm.

- Trang thiết bị hiện đại, xây dựng thư viện điện tử để hỗ trợ việc tự học của học sinh. Phòng học, phòng làm việc, phòng phục vụ được sửa chữa nâng cấp, trang bị các thiết bị phục vụ dạy, học và làm việc đạt chuẩn.

- Nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác HSSV, đặc biệt cải tiến mạnh mẽ các quy trình thủ tục, biểu mẫu hành chính cần cung cấp cho học sinh nhằm nâng cao mức độ hài lòng của học sinh về chất lượng phục vụ của Nhà trường, duy trì và đẩy mạnh công tác đối thoại giữa học sinh với lãnh đạo Nhà trường. Đẩy mạnh công tác khảo sát ý kiến phản hồi của cựu học sinh - sinh viên sau tốt nghiệp

- Đầu tư sân chơi, nhà đa năng phục vụ cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao học sinh; tham mưu đề xuất xây dựng ký túc xá phục vụ cho học

sinh.

- Công tác y tế học đường cần bổ sung nhân sự, phòng chuyên trách và trang thiết bị.

- Mở các hội nghị cấp trường về các chuyên đề như: ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, thường xuyên tổ chức các Hội thảo về định hướng nghề nghiệp cho người học, tổ chức các buổi tư vấn, giới thiệu việc làm cho học sinh sắp ra trường.

- Tổ chức tốt hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

5.4. Thực hiện kiểm định và đảm bảo chất lượng

- Đào tạo, bồi dưỡng CBVC về chuyên môn nghiệp vụ đạt tiêu chuẩn kiểm định viên chất lượng GDNN; thành lập bộ phận Kiểm định và Bảo đảm chất lượng đáp ứng nhiệm vụ.

- Xây dựng, hoàn thiện và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng của trường đáp ứng tiêu chí trường đạt tiêu chuẩn chất lượng.

- Tập trung tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm học 2023 - 2024; tiến tới đánh giá ngoài cơ sở giáo dục nghề nghiệp vào năm học 2024 – 2025.

- Nghiên cứu, tìm hiểu kinh nghiệm của các trường đã thực hiện đánh giá chương trình giáo dục và đánh giá ngoài, tiến hành đánh giá ngoài theo quy định của Bộ LĐTĐ&XH.

- Tham mưu lập dự toán, cấp kinh phí bảo đảm cho hoạt động Kiểm định và Bảo đảm chất lượng theo quy định.

5.5. Tăng cường hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp

- Xây dựng được chính sách, văn bản hướng dẫn nhằm khuyến khích CBVC, nhà giáo và người học tham gia NCKH (đưa vào tiêu chí xét thi đua, xếp loại lao động, xét nâng lương trước thời hạn....) sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo của nhà trường.

- Xây dựng Quy chế tổ chức hoạt động Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường có hiệu quả và chất lượng. Đẩy mạnh việc nghiên cứu đổi mới mô hình dạy học, chế tạo thiết bị đào tạo tự làm và viết sáng kiến giải pháp công việc. Nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ về NCKH.

- Xây dựng kênh thông tin về NCKH, khoa học công nghệ trên Website nhà trường. Tăng cường trao đổi nghiên cứu với các đối tác trong và ngoài trường thông qua các hội nghị, hội thảo, trao đổi thông tin.

- Thực hiện ký thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp trong việc tiếp nhận giáo viên và học sinh thực tập tại doanh nghiệp; tham gia xây dựng chương trình, giáo trình, tổ chức đào tạo, sử dụng nhân lực và chuyển giao công nghệ;

- Tham mưu lập dự toán, đề xuất cấp kinh phí bảo đảm cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế đáp ứng yêu cầu.

5.6. Tăng cường cơ sở vật chất

- Tham mưu các cấp, huy động nguồn lực nhằm xây dựng, tăng cường bảo đảm có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo; các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn như: thư viện; khu ký túc xá; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

- Tiến hành đánh giá, tham mưu đầu tư mua sắm đủ trang thiết bị dạy học tối thiểu các ngành nghề đào tạo theo quy định của Bộ LĐTB&XH.

- Tiếp tục triển khai cải tạo, sửa chữa các hạng mục trong nhà trường, phục vụ cho công tác dạy học, làm việc và sinh hoạt của viên chức, người lao động.

- Xây dựng, đầu tư về cơ sở vật chất đáp ứng được các quy định về tiêu chuẩn cơ sở đào tạo lái xe mô tô hạng A1 theo hướng ngày càng hiệu quả và hiện đại.

- Tham mưu lập dự toán, đề xuất cấp kinh phí bảo đảm cho phát triển cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện đáp ứng yêu cầu. Nghiên cứu, tham mưu xây dựng cơ chế xã hội hóa đối với 1 số loại hình đào tạo có thu nhằm tăng cường cơ sở vật chất.

- Xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cho các ngành nghề đào tạo.

- Sử dụng có hiệu quả các thiết bị, tài sản và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý tài sản.

5.7. Phát triển tài chính, đẩy mạnh tự chủ

- Đổi mới phương thức quản lý nhằm đa dạng hóa nguồn thu, sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn lực tài chính. Đảm bảo tài chính mạnh và chủ động, thu nhập của cán bộ giáo viên cơ bản để họ an tâm công tác, cống hiến.

- Tận dụng mọi nguồn lực của nhà trường để từ đó phát triển nguồn thu từ Ngân sách Nhà nước cấp và các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ. Từng bước xây dựng cơ chế tự chủ về tài chính theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 Quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính trong năm học; đảm bảo an ninh tài chính cho các hoạt động của nhà trường. Thực hiện công khai tài chính, tiết kiệm, chống lãng phí. Nghiêm túc chấp hành quy định về tài chính, thuế.

- Ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý tài chính đảm bảo tính chính xác, thông suốt báo cáo Quyết toán với các đơn vị dự toán cấp 1 đảm bảo kịp thời.

- Xây dựng và trình các cấp có thẩm quyền dự toán cấp bù miễn, giảm học phí học sinh Trung cấp đầy đủ sát với chi tiêu tuyển sinh và số lượng tuyển sinh được.

Các chỉ số tài chính phân đầu thực hiện chiến lược.

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Các tiêu chí, tiêu chuẩn	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1	Nguồn Ngân sách NN cấp	12.772	10.243	12.145	11.542	11.200	
2	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ	6.565	6.402	8.155	9.652	10.425	
3	Nguồn thu hợp pháp khác	120	96	120	150	140	

- Xây dựng phương án tự chủ trình Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính Đắk Lắk thẩm định và trình UBND tỉnh Đắk Lắk quyết định mức độ tự chủ của đơn vị, từ đó có các biện pháp tăng thu, tiết kiệm chi, tăng thu nhập tăng thêm cho CBCNV. Đầu tư phát triển cơ sở vật chất, tăng chất lượng đào tạo để thu hút người học.

Lộ trình tự chủ: Giai đoạn 2023 – 2026: Thực hiện tự chủ về tài chính là 54%, đảm bảo mức thu nhập tăng thêm cho cán bộ, giáo viên từ 500.000 đồng đến 800.000 đồng/tháng. Giai đoạn 2026 – 2030: tăng mức độ tự chủ của đơn vị đến 75%, từ đó nâng cao nguồn thu nhập cho người lao động.

Giải pháp:

+ Chủ động đa dạng hóa nguồn thu từ đào tạo, sản phẩm khoa học, hỗ trợ có mục tiêu của doanh nghiệp.

+ Hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ.

+ Đổi mới cơ chế, cơ cấu và phương thức phân phối tiền lương theo hướng đảm bảo công bằng và khuyến khích cán bộ, viên chức đóng góp cho sự phát triển nhà trường.

+ Quản lý tài chính theo cơ chế quản lý tài chính doanh nghiệp, sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn lực tài chính, đảm bảo tài chính mạnh và chủ động.

+ Tăng nguồn thu từ ngân sách nhà nước và nguồn thu sự nghiệp.

Cụ thể:

* Nguồn thu từ ngân sách nhà nước: tăng nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước thông qua hoạt động đào tạo và các hoạt động khác:

+ Kinh phí hoạt động thường xuyên;

+ Kinh phí hoạt động không thường xuyên (Thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ người học, các chế độ, chính sách cho người học...);

+ Kinh phí thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức.

+ Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

+ Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do các cơ quan nhà nước đặt hàng hoặc thực hiện nhiệm vụ đột xuất do cấp có thẩm quyền giao;

+ Kinh phí biên soạn giáo trình;

+ Kinh phí mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao hàng năm;

* Nguồn thu sự nghiệp:

+ Thu học phí Trung cấp : Đề xuất điều chỉnh mức thu học phí các hệ đào tạo trong trường theo từng năm học và từng ngành nghề đào tạo cho phù hợp với đặc thù tại tỉnh Đắk Lắk, đẩy mạnh các nguồn thu học phí cụ thể là: tập trung phát triển các ngành đào tạo phù hợp với đòi hỏi thực tiễn, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sản xuất, phục vụ phát triển nông nghiệp và phải có giải pháp để thu hút học sinh, sinh viên vào trường học.

+ Thu từ hoạt động đào tạo ngắn hạn: Đa dạng hóa loại hình và hình thức đào tạo: đào tạo tập trung, đào tạo ngắn hạn, đào tạo cấp chứng chỉ sơ cấp, đào tạo bồi dưỡng theo nhu cầu và phải có cơ chế chính sách tài chính khuyến khích các đơn vị và cá nhân về đào tạo để tăng nguồn thu cho trường;

+ Nguồn thu học phí liên kết : Đẩy mạnh công tác liên kết đào tạo với các tổ chức (các trường Đại học, cao đẳng, các Viện) để đa dạng hóa ngành nghề đào tạo nhằm thu hút người học đáp ứng thu cầu phát triển của tỉnh Đắk Lắk và các tỉnh lân cận.

+ Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

6. Nguồn tài chính thực hiện chiến lược

Kinh phí thực hiện Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 tập trung vào các nguồn kinh phí chủ yếu sau:

- Xây dựng các kế hoạch sử dụng các nguồn vốn trung hạn, dài hạn và nguồn ngân sách nhà nước hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

- Nguồn thu từ học phí; thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

- Huy động của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn thu, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

KẾT LUẬN

Chiến lược phát triển trường Trung cấp Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 được xây dựng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; sự chuyển đổi số, tiếp cận khoa học công nghệ tiên tiến đòi hỏi chất lượng GDNN phải được nâng lên để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động của địa phương, đất nước và khu vực. GDNN đất nước đã và đang phát triển mạnh mẽ dựa trên sự được quan tâm, đầu tư của Đảng và Nhà

nước, địa phương và chính sách xã hội hóa giáo dục.

Trường Trung cấp Đắc Lắc là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập có sứ mệnh đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực hành nghề, có phẩm chất đạo đức phục vụ yêu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và đất nước. Vì vậy, Chiến lược phát triển nhà trường đã bám sát chủ trương của Đảng và Nhà nước, tầm nhìn dài hạn của nhà trường, trong đó xác định mục tiêu chính là phát triển ngành, nghề đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập và bám sát nhu cầu của thị trường lao động; chú trọng phát triển quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo; đẩy mạnh liên kết với doanh nghiệp, các cơ sở GDNN và hợp tác quốc tế. Trên cơ sở đó đã đề ra các nhóm nhiệm vụ, giải pháp nhằm tăng cường, nâng cao chất lượng các nguồn lực đáp ứng yêu cầu đào tạo trong giai đoạn, xây dựng nhà trường từng bước phát triển bền vững và định hướng tự chủ toàn diện theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Chiến lược được xây dựng để toàn thể viên chức, người lao động trong Nhà trường quyết tâm thực hiện mục tiêu chiến lược đã đề ra.